

NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN TRONG ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN VÀ SỬ DỤNG HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ**TÓM TẮT****Nguyễn Quốc Phóng^{1*}**¹Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên**Tác giả liên hệ: nguyentuanquochonghy@gmail.com*

Ngày nay nhu cầu học tập của sinh viên ngày càng cao, hoạt động đào tạo trực tuyến và sử dụng hệ thống học liệu số trong đào tạo giúp người học có thể học ở bất kỳ đâu và bất cứ khi nào. Để nâng cao chất lượng học tập trong điều kiện đào tạo trực tuyến các trường đại học cần trang bị năng lực tự học cho sinh viên. Hiện tại, năng lực tự học của sinh viên trong các trường đại học còn nhiều hạn chế, việc sinh viên thiếu động cơ học tập, chưa có phương pháp và khả năng tự học, hệ thống học liệu thiếu, đội ngũ giảng viên chưa dành nhiều thời gian hướng dẫn người học dẫn đến kết quả học tập chưa đạt như mong muốn. Trên cơ sở đó, bài viết đã nghiên cứu và chỉ ra có ba nhân tố chính là ý thức của sinh viên, đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ học tập, học liệu tác động tới năng lực tự học của sinh viên, qua đó đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao năng lực tự học của sinh viên trong thời gian tới.

Từ khóa: Đào tạo trực tuyến, năng lực tự học, sinh viên, trường đại học.

ENHANCING STUDENTS' SELF-LEARNING CAPACITY IN ONLINE EDUCATION AND THE USE OF DIGITAL LEARNING MATERIALS**ABSTRACT**

Nowadays, the demand for learning among university students is increasingly high. Online training activities and the use of digital learning systems enable learners to study anywhere and anytime. To enhance the quality of learning in online training conditions, universities must focus on equipping students with self-learning competencies. However, currently self-learning abilities among university students remain limited. Students often lack motivation, effective learning methods, and self-directed learning skills. Additionally, the shortage of learning resources and the limited guidance provided by lecturers contribute to unsatisfactory learning outcomes. Based on this context, the study identifies three key factors that influence students' self-learning competencies: students' awareness, the support provided by lecturers and academic staff, and the availability of learning materials. The article also proposes solutions to improve students' self-learning competencies in the future. This method preserves the original content while clearly showing the changes for comparison.

Keywords: Online education, self-learning competence, students, universities.

Ngày nhận bài: 16/11/2024 Ngày nhận bài sửa: 17/10/2025 Ngày duyệt đăng bài: 06/01/2026

1. GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ đã làm thay đổi cách thức con người làm việc, khi sử dụng công nghệ thông tin giúp các quyết định đưa ra nhanh chóng và chính xác hơn. Các

trường đại học giờ đây không chỉ có vai trò là nơi truyền thụ tri thức của nhân loại mà còn là nơi đào tạo cho sinh viên biết cách tự học, tự nghiên cứu qua đó giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tự học khi đó trở thành một nhu cầu thiết thực của mỗi sinh viên. Sinh viên đại học cần được trang bị năng lực tự học để có thể học tập

suốt đời. Quá trình tự học, tự nghiên cứu sẽ làm giàu thêm tri thức và sáng tạo tri thức, chính điều này yêu cầu các trường đại học cần có phương pháp đào tạo phù hợp, linh hoạt phát huy tính chủ động của người học trong việc lĩnh hội tri thức để học tập và nghiên cứu. Muốn làm được điều đó các trường đại học một mặt cần nâng cao chất lượng đào tạo, thay đổi phương pháp đào tạo mặt khác cần xây dựng hệ thống học liệu, bài giảng trực tuyến phù hợp với các lĩnh vực, chuyên ngành và học phần để người học dễ dàng tìm kiếm, khai thác thông tin phục vụ tự học và tự nghiên cứu.

Năm 2002, Viện Công nghệ Massachusetts đã quyết định đưa toàn bộ 1.800 môn học bao gồm tài liệu, bài giảng, bài tập... lên trên Web và cho phép người dùng Internet ở khắp nơi trên thế giới có thể truy cập hoàn toàn miễn phí để học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Chính điều này đã tạo cơ hội cho người học có nhiều cơ hội học tập với nhiều hình thức học như học bán thời gian, học từ xa, học tại nhà. Tại Việt Nam, Chính phủ thông qua Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 trong đó có đề cập đến việc “Đổi mới phương pháp đào tạo theo 3 tiêu chí: trang bị cách học, phát huy tính chủ động của người học; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động dạy và học. Khai thác các nguồn tư liệu giáo dục mở và nguồn tư liệu trên mạng Internet. Lựa chọn, sử dụng các chương trình, giáo trình tiên tiến của các nước”. Đây là văn bản có tính pháp lý đầu tiên về việc công nhận vai trò và giá trị của học liệu mở đối với giáo dục đại học nói riêng và nền giáo dục nói chung. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2023 của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế cũng khẳng định: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục đào tạo, tăng cường xây dựng nền

giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập. Phần đầu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”. Để hình thức đào tạo trực tuyến trở thành một hình thức giúp người học có cơ hội học tập phù hợp với nhu cầu bản thân thì việc phát triển khả năng tự học, phát huy tính chủ động của người học là việc làm hết sức cần thiết. Đó cũng là mục tiêu của Đảng và Nhà nước thực hiện chủ trương chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục giúp người dân có cơ hội học tập suốt đời.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Một số khái niệm

Tự học là một xu thế tất yếu, nó giúp người học thay đổi từ việc học thụ động sang học chủ động. Thông qua tự học người học bắt mình động não, suy nghĩ và sử dụng năng lực trí tuệ bản thân như quan sát, so sánh, tổng hợp, phân tích... từ đó làm chủ kiến thức về một lĩnh vực nào đó. Theo từ điển Giáo dục học “Tự học là quá trình hoạt động lĩnh hội tri thức khoa học và rèn luyện kỹ năng thực hành...” (Bùi Hiền, 2001). Trong đó, để tự học người học cần biết lựa chọn tài liệu, tìm ra những tài liệu phù hợp, biết cách đọc, cách ghi chép những nội dung quan trọng của chủ đề đang đọc. Hoạt động tự học thường gắn với tính độc lập, tự chủ, tự giác, tính kiên trì của người học. Tự học là quá trình cá nhân tự giác, tự lực, tích cực lĩnh hội những vấn đề được đặt ra trong cuộc sống bằng hành động của chính mình để đạt được mục đích nhất định (Trần Thị Minh Hằng, 2011). Theo quan điểm này tự học gắn liền với sự tự giác, chủ động lĩnh hội tri thức của người học. Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về năng lực nhưng tác giả Spencer and Spencer (1993), cho rằng: “Năng lực là khả năng một cá nhân thực thi được những yêu cầu kỹ năng bắt buộc đối với một công việc cụ thể”. Với sinh viên thì năng lực được đề cập đến là khả năng tự học. Đây là khả năng của người học khi xác định đúng động cơ học tập, quản lý việc học của bản thân để đạt được kết

quả học tập cao nhất. Theo Đoàn Văn Khải (2017), “Năng lực tự học là khả năng tư duy, sử dụng kiến thức, vận dụng kỹ năng và những phẩm chất cần thiết trong quá trình độc lập, chủ động, tự giác, sáng tạo trong học tập, khám phá và nghiên cứu nhằm nắm bắt, trau dồi, nâng cao tri thức và kỹ năng”. Từ đó, để nâng cao năng lực tự học của sinh viên cần phát triển tư duy, khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào việc học một cách cụ thể, chủ động và có trách nhiệm. Ngày nay, đào tạo trực tuyến (E-learning và MLS) đang là xu hướng và trở thành một mô hình học tập giúp người dạy và người học có thể tương tác mọi lúc, mọi nơi trên nền tảng số qua đó tăng cường chất lượng đào tạo. E-learning được hiểu là quá trình sử dụng công nghệ thông tin và hệ thống mạng để cung cấp dịch vụ đào tạo. Quá trình học tập sinh viên cần có học liệu, đây là những tài liệu cần thiết để sinh viên học tập, nó phù hợp với chuyên ngành và chương trình đào tạo của nhà trường. Theo Hiệp hội Học liệu mở: “Một học liệu mở là một ấn phẩm số, công khai và miễn phí bao gồm các tài liệu giáo dục có chất lượng cao và được tổ chức dưới dạng các môn học” (OEC, 2016). Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế cho rằng: “Tài nguyên giáo dục mở là các tài liệu được số hóa được cung cấp tự do và công khai dành cho các nhà giáo dục, sinh viên, những người tự học để sử dụng và tái sử dụng cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu” (OECD, 2016). Như vậy, học liệu thể hiện qua nhiều hình thức khác nhau, có thể là tài liệu dưới dạng bản cứng, bản mềm, trong đó có tài liệu sử dụng mất phí và có tài liệu được miễn phí. Những tài liệu, ấn bản kỹ thuật số miễn phí và công khai về các tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu là học liệu. Các học liệu điện tử cho phép người tra cứu có thể truy cập vào bất cứ khi nào, bất cứ ở đâu thông qua internet và được cấp phép miễn phí, công khai.

2.2. Nội dung năng lực tự học của sinh viên

Để nâng cao chất lượng đào tạo khi đào tạo trực tuyến và sử dụng nguồn học liệu điện

tử, người học cần có khả năng tự học, tự nghiên cứu từ học liệu điện tử. Việc tự học của sinh viên là một hoạt động độc lập, tự giác, chủ động trong việc tự suy nghĩ, khám phá nhằm trau dồi, nâng cao tri thức và biến nó thành tri thức của người học. Tự học có thể là quá trình tự thân lĩnh hội tri thức, rèn luyện kỹ năng mà không cần đến sự hướng dẫn của giáo viên và sự quản lý của các trường đại học. Đây là cơ sở nền tảng để hình thành lên hình thức đào tạo không tập trung trong các trường đại học. Để sinh viên hình thành năng lực tự học, họ cần có tinh thần tự giác, chủ động trong quá trình học tập. Để làm được điều này sinh viên cần có ý thức, kỹ năng tự học. Theo tác giả Ngô Thế Lâm (2020), kỹ năng tự học của sinh viên bao gồm:

Xây dựng kế hoạch tự học: Sinh viên cần xây dựng kế hoạch tự học phù hợp với nội dung chương trình học. Kế hoạch tự học cần cụ thể về nội dung học, thời gian học, thứ tự các môn học cần tự học theo yêu cầu và nhiệm vụ học tập. Bên cạnh đó, khả năng tìm kiếm tài liệu trên học liệu điện tử phù hợp với nội dung môn học và nhu cầu kiến thức của người học

Tổ chức thực hiện việc tự học: Sinh viên cần có kỹ năng đọc sách, tài liệu tham khảo. Đây là yêu cầu quan trọng với kỹ năng tự học của sinh viên. Sinh viên có kỹ năng đọc sách tốt không những nâng cao kết quả tự học mà còn là điều kiện để giáo dục và hình thành nhân cách hoàn hảo. Hiện nay, việc tự đọc sách được thực hiện qua 3 bước: đọc lướt – đọc rõ – đọc hiểu, sinh viên muốn có năng lực tự học phải hình thành được các kỹ năng này. Ngoài ra, người học cần có khả năng tổng hợp, ôn tập kiến thức và làm đề cương nội dung tự học giúp cho sinh viên hiểu sâu, hiểu rõ bản chất vấn đề và nâng cao khả năng khái quát kiến thức của người học.

Đánh giá kết quả sau quá trình tự học: Kết quả kiến thức thu được của sinh viên sau quá trình tự học nói lên năng lực tự học của sinh viên. Để đánh giá chất lượng của việc tự học cần có hoạt động kiểm tra, đánh giá, rút kinh

nghiệm việc tự học để điều chỉnh phù hợp cho các môn học sau. Việc đánh giá quá trình tự học của người học có thể được thực hiện sau từng môn học, từng học kỳ nhằm rút kinh nghiệm và thay đổi tư duy tự học. Để sinh viên nâng cao năng lực tự học, họ cần thực hiện một số việc sau:

- Sinh viên hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu một cách chủ động nhằm tích lũy tri thức cho bản thân.

- Sinh viên hình thành thái độ tự học dựa trên nhu cầu và động lực học tập tích cực với ý chí và tinh thần quyết tâm cao để thực hiện được nhiệm vụ học tập.

- Sinh viên phải hình thành khả năng tự học: Bằng việc xây dựng kế hoạch tự học, thu thập tài liệu về nội dung học, cách thức tổ chức tự học, phương pháp học nhằm tích lũy tri thức.

- Sinh viên cần được tiếp cận và sử dụng công nghệ trong đào tạo trực tuyến và học liệu số trong việc nâng cao năng lực tự học. Bên cạnh năng lực tự học của sinh viên thì giảng viên và Nhà trường cũng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực này: thông qua việc ban hành các quy định về đào tạo trực tuyến, cung cấp học liệu số; trang bị các phương pháp dạy học, tổ chức và quản lý sinh viên tự học; phương pháp đánh giá theo hướng khuyến khích sinh viên tự học, tự nghiên cứu.

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới năng lực tự học của sinh viên

Theo các nghiên cứu về năng lực tự học cho sinh viên đã chỉ ra có nhiều nhân tố khác nhau tác động tới năng lực tự học của sinh viên như các quy định của nhà trường, ý thức học

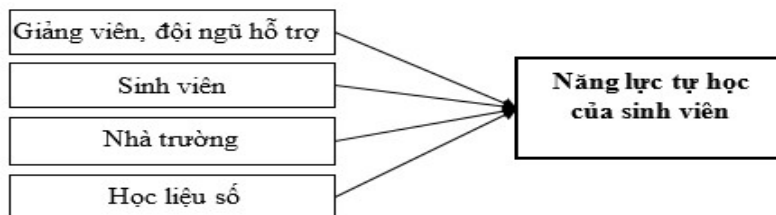
tập của sinh viên, đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ học tập; chương trình và học liệu; môi trường học tập; chất lượng sinh viên đầu vào; hoàn cảnh gia đình... Các yếu tố này có tác động với các mức độ khác nhau và theo chiều khác nhau. Các chuyên gia chỉ ra rằng mặc dù có nhiều yếu tố tác động xong 4 yếu tố chính tác động tới năng lực tự học của sinh viên trong điều kiện học trực tuyến đó là giảng viên, đội ngũ hỗ trợ; sinh viên; nhà trường; học liệu cụ thể:

- Giảng viên, đội ngũ hỗ trợ (GVHT) được đo bằng yêu cầu và định hướng giảng viên, sự khuyến khích của giảng viên; giảng viên hướng dẫn tìm kiếm, khai thác, cung cấp phương pháp tự học và nghiên cứu khoa học cho sinh viên; phương pháp giảng dạy của giảng viên.

- Sinh viên (SV): Có khả năng tổng hợp kiến thức, tự kiểm tra, đánh giá quá trình tự học; có khả năng tự học, có phương pháp đọc và nghiên cứu tài liệu; có khả năng xây dựng kế hoạch học tập, kế hoạch tự học; có nhận thức, động cơ tự học, tự nghiên cứu trên nền tảng học liệu điện tử.

- Nhà trường (NT): Các quy định về đào tạo trực tuyến thể hiện đầy đủ, rõ ràng; nội dung đào tạo và phương thức đào tạo; Cơ sở vật chất, thiết bị, hệ thống internet hỗ trợ người học.

- Học liệu số (HL): Học liệu đa dạng, phong phú về chủng loại và dễ dàng sử dụng; học liệu cung cấp nội dung gắn với các học phần; học liệu phù hợp với nhu cầu, mục tiêu học tập của sinh viên. Với các nội dung trên tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Tác giả đề xuất

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

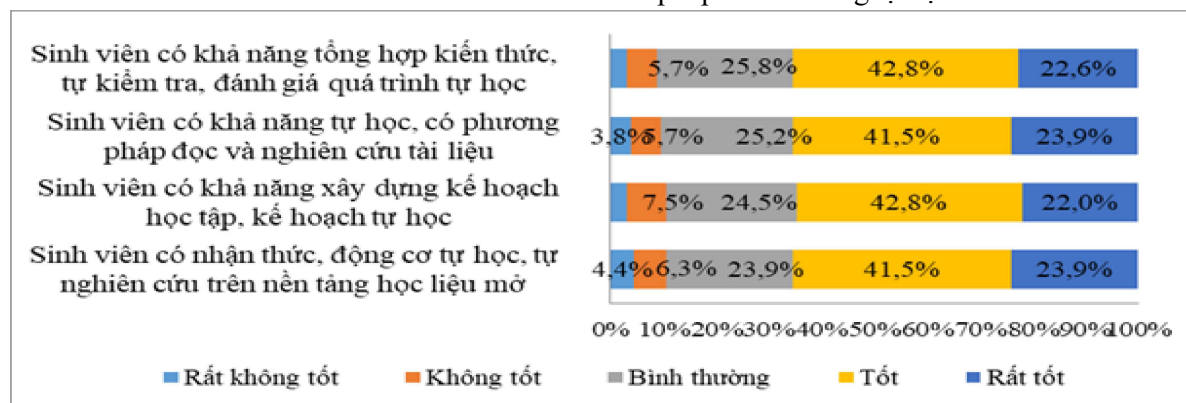
Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu để tổng hợp cơ sở lý thuyết và xây dựng khung nghiên cứu về năng lực tự học của sinh viên. Bên cạnh đó bài viết còn sử dụng phương pháp thảo luận, phương pháp chuyên gia để tìm ra các nhân tố tác động tới năng lực tự học của sinh viên. Để đánh giá mức độ tác động của các yếu tố tới năng lực tự học của sinh viên trong đào tạo trực tuyến và sử dụng học liệu điện tử tác giả sử dụng phương pháp điều tra khảo sát. Sau khi xây dựng bảng hỏi với thang đo likert 5 cấp độ (1: Rất không đồng ý – 5: Rất đồng ý), bảng hỏi sẽ được gửi tới sinh viên đang học trực tuyến và đã từng học trực tuyến tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Hải Dương bằng hình thức online. Quá trình khảo sát theo hình thức thuận tiện. Thời gian từ 25/9/2024 đến 29/10/2024, phiếu khảo sát thu được sẽ loại bỏ những phiếu không hợp lệ kết quả có 208 phiếu trả lời phù hợp. Kết quả thu thập được xử lý sau đó dùng phần mềm SPSS 25 để phân tích.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Năng lực tự học của sinh viên trong điều kiện đào tạo trực tuyến và sử dụng học liệu điện tử

Hiện tượng sinh viên lười học, bỏ học do học lại hoặc do không xác định đúng động cơ học tập không chỉ diễn ra ở một trường đại học mà đó là xu hướng chung của nhiều trường đại học hiện nay. Nhiều sinh viên học rất thụ động, máy móc chỉ dựa vào những tài liệu, học liệu mà giảng viên cung cấp, tình trạng chưa có ý thức tự học, tự nghiên cứu còn diễn ra phổ biến. Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc phát triển năng lực tự học khi còn ngồi trên ghế nhà trường (Nguyễn Quốc Phóng và cộng sự, 2023). Khi có đến 73% sinh viên cho rằng khả năng tự học là rất quan trọng trong khi cũng có đến 5% sinh viên trả lời là không quan trọng. Điều này chứng tỏ vẫn còn một số lượng nhỏ sinh viên chưa có nhận thức và động cơ học tập rõ ràng, nhất là khả năng tự học.

Ngoài ra, kết quả khảo sát chỉ ra còn 34,6% số lượng sinh viên chưa có nhận thức và xác định đúng động cơ học tập; 35,2% số sinh viên chưa xây dựng được kế hoạch học tập, kế hoạch tự học; 34,6% trả lời chưa có phương pháp và khả năng tự học



Hình 2. Năng lực tự học của sinh viên trong điều kiện đào tạo trực tuyến

Nguồn: Kết quả khảo sát

Điều này cho thấy, nhiều sinh viên còn khó khăn trong việc xác định mục tiêu và phương pháp tự học. Nó cũng hoàn toàn phù hợp với nhiều nhận định trước đây khi cho rằng nhiều sinh viên vẫn còn thái độ học tập chưa

đúng đắn như học theo kiểu đối phó, chỉ học khi đến kỳ thi, học tủ, học vẹt; chỉ học kiến thức theo nội dung môn học không suy nghĩ mở rộng kiến thức liên quan để hiểu sâu, hiểu cặn kẽ nội dung của học phần. Thực tế cho thấy

nhiều sinh viên của Nhà trường hiện nay còn rất lười đọc sách, hệ thống thư viện số, học liệu số chưa được sinh viên truy cập và sử dụng thường xuyên. Một số sinh viên đã biết cách tìm kiếm tài liệu trên website hoặc sử dụng Chat GPT để học tập nhưng sinh viên thường không biết lựa chọn tài liệu phù hợp để đọc, tự học và nghiên cứu.

Trong tổng số 208 sinh viên được khảo sát, có 119 sinh viên nam (chiếm 57,2%) và có 89 sinh viên nữ (chiếm 42,8%). Sinh viên khảo sát học từ năm 1 đến năm 4 và nhiều nhất năm 3 với 30,8%, năm 1 chiếm 28,9%, năm 4 chiếm 20,8%, năm 2 chiếm 19,5%; Nhóm sinh viên tham gia khảo sát nhóm ngành kinh tế (43,4%), nhóm ngành kỹ thuật (21,4%), nhóm ngoại ngữ, y dược... (22,0%), khác (23,3%).

4.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Bảng 1. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha các thang đo

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha nếu loại biến
1. Nhà trường (NT), Cronbach's Alpha = 0,890				
NT1	7,48	1,719	0,843	0,795
NT2	7,39	1,843	0,689	0,925
NT3	7,37	1,624	0,831	0,802
2. Giảng viên, đội ngũ hỗ trợ (GVHT), Cronbach's Alpha = 0,939				
GVHT1	11,47	2,791	0,569	0,826
GVHT2	11,45	2,422	0,714	0,762
GVHT3	11,48	2,376	0,709	0,765
GVHT4	11,38	2,673	0,654	0,791
3. Sinh viên (SV), Cronbach's Alpha = 0,832				
SV1	11,47	2,791	0,569	0,826
SV2	11,45	2,422	0,714	0,762
SV3	11,48	2,376	0,709	0,765
SV4	11,38	2,673	0,654	0,791
4. Học liệu (HL), Cronbach's Alpha = 0,797				
HL1	7,67	1,179	0,680	0,681
HL2	7,60	1,218	0,699	0,665
HL3	7,75	1,278	0,552	0,819
5. Năng lực tự học của sinh viên (NLTH), Cronbach's Alpha = 0,853				
NLTH1	13,70	1,756	0,656	0,829
NLTH2	13,76	1,604	0,727	0,799
NLTH3	13,73	1,669	0,691	0,814
NLTH4	13,69	1,712	0,703	0,810

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Kết quả bảng 1 kiểm định hệ số Cronbach's alpha lớn hơn 0,6 và có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,33. Do vậy, các biến đều đáp ứng yêu cầu và được sử dụng trong phân tích EFA tiếp theo.

Phân tích ma trận tương quan trong 4 nhân tố biến độc lập từ 14 quan sát trích được 77,601 % biến thiên của dữ liệu, tiêu chuẩn Eigenvalues > 1 đáp ứng yêu cầu. Bốn nhân tố đó là nhà trường; giảng viên, người hỗ trợ; sinh viên và học liệu, kết quả cụ thể như sau

4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Bảng 2. Ma trận xoay của biến độc lập

	Factor			
	1	2	3	4
GVHT2	0,992			

GVHT3	0,861			
GVHT1	0,858			
GVHT4	0,810			
SV2		0,791		
SV3		0,777		
SV4		0,756		
SV1		0,659		
NT1			0,976	
NT3			0,908	
NT2			0,642	
HL2				0,884
HL1				0,773
HL3				0,620

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Kết quả kiểm định $KMO = 0,875 > 0,5$ và hệ số sig = $0,00 < 0,05$ đạt yêu cầu. Việc tiêu chuẩn Eigenvalue > 1 , tổng phương sai trích là 76,721% cho thấy tỷ lệ phương sai của dữ liệu được giải thích bởi các nhân tố đạt trên 76%, điều này là phù hợp. Biến phụ thuộc với 4 quan

sát, kết quả $KMO = 0,769$, hệ số sig = $0,00 < 0,05$ đạt yêu cầu, tiêu chuẩn Eigenvalue > 1 , tổng phương sai trích 69,423 % biến thiên của dữ liệu.

4.4. Kiểm định ma trận tương quan

Bảng 4. Ma trận hệ số tương quan

		GV	SV	NT	HL	NLTH
GVHT	Pearson Correlation	1	0,449**	0,535**	0,427**	0,699**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000
	N	208	208	208	208	208
SV	Pearson Correlation	0,449**	1	0,345**	0,409**	0,489**
	Sig. (2-tailed)	0,000		0,000	0,000	0,000
	N	208	208	208	208	208
NT	Pearson Correlation	0,535**	0,345**	1	0,359**	0,458**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000		0,000	0,000
	N	208	208	208	208	208
HL	Pearson Correlation	0,427**	0,409**	0,359**	1	0,444**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000		0,000
	N	208	208	208	208	208
NLTH	Pearson Correlation	0,699**	0,489**	0,458**	0,444**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	
	N	208	208	208	208	208

** . Correlation is significant at the 0,01 level (2-tailed).

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Kết quả phân tích tương quan Pearson kết quả chỉ ra có 4 biến GVHT, NT, SV, HL có tương quan với biến phụ thuộc ở mức ý nghĩa 5%

4.5. Phân tích hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy cho 4 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc cho thấy biến nhà

trường (NT) không có ý nghĩa thống kê khi Sig. = 0,219 điều này có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau và chưa có đủ cơ sở khẳng định các quy định của nhà trường không có tác động tới năng lực tự học của sinh viên. Do vậy tác giả loại bỏ biến NT và thực hiện chạy lại mô hình kết quả như sau: Phương sai ANOVA cho kết quả $F = 79,720$ (Sig. $\alpha < 0,05$), chứng tỏ

mô hình hồi quy phù hợp với tập dữ liệu. Hệ số $R^2 = 0,540$ chứng tỏ mô hình đạt yêu cầu cho thấy có 54,0% biến độc lập giải thích được sự biến thiên của biến phụ thuộc. Durbin-Watson:

$1,549 < 2$ cho thấy không có tự tương quan giữa các biến trong mô hình, hệ số VIP đều nhỏ hơn 2 do đó không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 5. Kết quả hồi quy

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	2,424	0,176		13,759	0,000		
	GVHT	0,311	0,031	0,561	10,078	0,000	0,727	1,375
	SV	0,149	0,045	0,183	3,316	0,001	0,740	1,351
	HL	0,104	0,044	0,130	2,381	0,018	0,759	1,318

a. Dependent Variable: NLTH

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Phương trình hồi quy: $NLTH = 2,424 + 0,311 GVHT + 0,149 SV + 0,104 HL + \varepsilon$ (1)

Kết quả phương trình hồi quy cho thấy có 3 giả thiết có mối quan hệ thuận chiều với năng lực tự học của sinh viên, đó là Giảng viên, đội ngũ hỗ trợ (GVHT); Sinh viên (SV); Học liệu (HL). Trong đó, yếu tố giảng viên và đội ngũ hỗ trợ học tập có tác động mạnh nhất với $\beta = 0,311$ sau đó là các yếu tố khác sinh viên ($\beta = 0,149$), học liệu ($\beta = 0,104$). Kết quả chạy mô hình hồi quy cho thấy các chính sách của Nhà trường chưa có ý nghĩa thống kê trong việc tác động tới năng lực tự học của sinh viên, điều này cũng không thể khẳng định nhân tố này không có tác động tới việc học tập của sinh viên mà có thể do các yếu tố khác quan trọng quá trình khảo sát dữ liệu.

4.6. Một số giải pháp giúp nâng cao năng lực tự học của sinh viên

Để nâng cao năng lực tự học cho sinh viên trong điều kiện đào tạo trực tuyến và sử dụng học liệu điện tử, theo tác giả cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, về phía giảng viên và cán bộ hỗ trợ học tập. Mỗi giảng viên cần phải có nhận thức rõ về trách nhiệm của bản thân trong việc hỗ trợ sinh viên trang bị các phương pháp học tập khoa học trong đó có phương pháp tự học, tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu. Giảng viên cần không ngừng học tập nâng cao trình độ, lĩnh

hội tri thức mới, chủ động tiếp nhận các nguồn học liệu trong kho tàng khoa học của nhân loại để làm phong phú thêm kiến thức và tri thức của mình. Đồng thời, hướng dẫn sinh viên biết cách khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tri thức đó phù hợp với nội dung bài giảng. Ngoài ra, giảng viên có thể định hướng sinh viên trong việc tìm kiếm, khai thác tài liệu, sử dụng học liệu trong học tập trực tuyến bằng cách đưa ra các yêu cầu trong mỗi học phần như là các tiểu luận, bài tập chương, bài thảo luận, bài thực hành... theo các chủ đề phù hợp với nguồn học liệu của nhà trường mà sinh viên có thể khai thác, sử dụng. Tổ chức các buổi seminar thảo luận về phương pháp tự học, tự đọc tài liệu, khả năng tổng hợp kiến thức sau khi tự học. Bên cạnh đó, các cán bộ hỗ trợ học tập có vai trò là cầu nối trung gian giữa Nhà trường, giảng viên với sinh viên trong việc nâng cao năng lực tự học để chủ động tiếp thu bài giảng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Thứ hai, về phía sinh viên. Đây là chủ thể chính và có ảnh hưởng quyết định tới việc nâng cao năng lực tự học của bản thân. Để nâng cao năng lực tự học mỗi sinh viên cần thực hiện nội dung sau:

Một là, trước khi tự học, sinh viên cần thay đổi nhận thức và động cơ học tập, đây là yếu tố cốt lõi góp phần nâng cao năng lực tự học cho sinh viên. Với việc phát triển mạnh mẽ

của khoa học công nghệ, cơ hội học tập của sinh viên ngày càng cao khi nhiều trường sử dụng học liệu số để đào tạo. Khi đó sinh viên cần có mục tiêu và động cơ học tập đúng đắn để bắt kịp xu hướng của kỷ nguyên số là yêu cầu cần thiết hiện nay.

Đồng thời, sinh viên cần xây dựng kế hoạch tự học, trang bị phương pháp tự học, không phụ thuộc vào nội dung môn học, chương trình học mà sinh viên cần chủ động học tập theo nhu cầu bản thân trên cơ sở học liệu số hiện có của Nhà trường.

Hai là, trong quá trình tự học, sinh viên cần nâng cao kỹ năng tự học, tự đọc và phương pháp học tập hiệu quả cho sinh viên. Khi Nhà trường có hệ thống học liệu số sinh viên cần được hướng dẫn cách thức tìm kiếm tài liệu, tạo ra không gian để học và đọc tài liệu; sau quá trình tự học và đọc của sinh viên cần rút ra nội dung của tài liệu đã đọc.

Ba là, sau quá trình tự học, sinh viên cần duy trì thói quen tự học, tự nghiên cứu, thường xuyên xem lại bài để củng cố khả năng ghi nhớ về bài học. Nhiều sinh viên hiện nay còn lười học, chỉ học khi thi hoặc theo yêu cầu của giáo viên nguyên nhân do họ chưa có đam mê học tập, chưa xác định rõ mục tiêu học tập, hệ thống tài liệu chưa phong phú, phù hợp với sở thích học tập của sinh viên.

Thứ ba, tăng cường bổ sung học liệu điện tử số giúp nâng cao năng lực tự học của sinh viên. Các trường đại học cần xây dựng hệ thống học liệu điện tử phù hợp với đối tượng người học như sách điện tử, ebooks; các phần mềm hỗ trợ việc học tập, làm bài tập, kiểm tra đánh giá, các video bài giảng, video hướng dẫn, giáo cụ trực quan, diễn đàn giáo dục trực tuyến... nhằm giúp sinh viên có nhiều cơ hội lựa chọn hình thức và tài liệu học tập phù hợp. Các trường đại học cần ứng dụng nền tảng số, khai thác học liệu điện tử hiệu quả để nâng cao năng lực tự học cho sinh viên.

Ngoài ra, các Trường cần có những chính sách thúc đẩy việc tự học của sinh viên, thúc

đẩy giảng viên tăng cường tổ chức các buổi chia sẻ phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Tăng cường cơ sở vật chất, hệ thống internet, học liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Nhà trường phục vụ cho việc tự học, nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.

5. KẾT LUẬN

Sinh viên có khả năng tự học là một trong những yêu cầu cơ bản của giáo dục đại học, nó không những giúp nâng cao được kết quả học tập mà còn giúp người học có phương pháp học tập suốt đời. Bằng việc tổng hợp lý thuyết về năng lực tự học, các nhân tố ảnh hưởng tới năng lực tự học của sinh viên trong điều kiện đào tạo trực tuyến và sử dụng học liệu điện tử. Bài viết đã chỉ ra có 3 nhân tố tác động tới năng lực tự học của sinh viên đó là đội ngũ giảng viên và người hỗ trợ học tập; ý thức, động cơ học tập của sinh viên; hệ thống dữ liệu điện tử. Trong đó, yếu tố giảng viên và đội ngũ hỗ trợ học tập có tác động mạnh nhất, chính vì vậy giảng viên cần chủ động tích cực hướng dẫn phương pháp tự học cho sinh viên. Ngoài ra, học liệu là một yếu tố có tác động rất lớn tới năng lực tự học của sinh viên, học liệu cần đa dạng, phong phú về chủng loại và được thiết kế phù hợp với các học phần tạo cơ hội cho giảng viên, sinh viên tự học, nghiên cứu; với giảng viên phải hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm, sử dụng khi tự học; với sinh viên cần thay đổi nhận thức, có kế hoạch học tập nghiêm túc, hình thành thói quen tự học và có phương pháp học tập hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020*.

Ban chấp hành trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường*

- định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bùi Hiền (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Trần Thị Minh Hằng (2011). *Giáo trình tâm lý học quản lý*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đoàn Văn Khải (2017). Nâng cao năng lực tự học của sinh viên trường Đại học Ngoại Thương. *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, (95).
- Ngô Thế Lâm (2020). *Một số vấn đề lý luận về tự học và kỹ năng tự học của sinh viên ở trường đại học*. Truy cập từ: <<https://ukh.edu.vn/chi-tiet-tin/id/1997/Mot-so-van-de-ly-luan-ve-tu-hoc-va-ky-nang-tu-hoc-cua-sinh-vien-o-truong-dai-hoc>>, truy cập ngày 10/9/2023.
- Nguyễn Quốc Phóng, Nguyễn Hằng Ngân, & Trương Đức Mạnh (2023). *Nâng cao năng lực tự học cho sinh viên trong điều kiện sử dụng học liệu mở: nghiên cứu tại trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên*. Kỳ yếu hội thảo quốc gia “Đào tạo theo định hướng giáo dục mở tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp”, Hà Nội, 219-227.
- Trần Hùng Minh Phương (2022). Xây dựng cơ sở dữ liệu – nguồn học liệu mở trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông. Truy cập từ: <https://vanphong.hcm.edu.vn/hoi-thao-chuyen-doi-so/xay-dung-co-so-du-lieu-nguon-hoc-lieu-mo-trong-dao-tao-boi-duong-giao-vien-pho/ctmb/42160/69417>, truy cập ngày 12/10/2023.
- Geser, G. (Ed.). (2007). *Open educational practices and resources: OLCOS roadmap 2012*. Salzburg Research EduMedia Group. Retrieved September 10, 2023, from http://www.olcos.org/cms/upload/docs/olcos_roadmap.pdf.
- Spencer, L. M., & Spencer, S. M. (1993). *Competence at work: Models for superior performance*. John Wiley & Sons.
- OECD. (2016). *What is OER?* Retrieved October 10, 2023, from <http://www.oecd.org/edu/oer>
- Open Education Consortium. (2016). *OEC members*. Retrieved October 10, 2023, from <http://www.oecconsortium.org/members/>.